

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG ĐKSX

NGÀY 21 THÁNG 4 NĂM 2026

STT	Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
	TỔNG CỘNG						400 094	120 601	283 251			
I	CẢNG CHÍNH						87 977	35 479	52 498			
	<i>Tàu đã làm hàng (trong cầu)</i>						23 000	23 195	- 195			
1	ĐIỆN VINH TÂN 1	13/4	251/4		VIỆT THUẬN 215-06	CÁM 6A.1	20 650	20 852	- 202	21/4	HỘ LỚN	THAY 247/4 (MÓN: 20.647.38)
2	KDT MIỀN BẮC	15/4	1031/4	25/4	ND 4349	CÁM 5A.1	2 350	2 343	7	21/4	PTCB	
	<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>						53 750	12 284	41 466			
1	ĐIỆN VINH TÂN 2	21/4	253-B/4		VIỆT THUẬN STAR	CÁM 6A.14	42 000	6 200	35 800	RÓT DỖ	HỘ LỚN	TTCO: 25.000 - CLM: 10.000 - KVCP: 7.000
2	KDT MIỀN BẮC	18/4	1053/4	30/4	HẢI ĐĂNG 666	CÁM 5A.1	3 800		3 800		PTCB	
3	CROMIT	18/4	1052/4	30/4	HUY HOÀNG 222	CÁM 5A.1	5 300	5 097	203	RÓT DỖ	PTCB	
4	V TRACO	15/4	1033/4	22/4	BN 0719	CỤC XỔ 1C	1 100	987	113	RÓT DỖ	TD	
5	CATALAN	20/4	1067/4	27/4	BN 2678	CỤC 5A.1	1 550		1 550		TD	
	<i>Tàu đã làm lệnh (trong cầu)</i>						11 227		11 227			
1	KDT MIỀN BẮC	10/4	971/4	20/4	HP 6816	CÁM 5B.1	2 590		2 590		PTCB	
2	KDT HẢI BẮC	21/4	1071/4	30/4	BN 1828	CÁM 5A.1	2 250		2 250		PTCB	
3	XDCN MỎ	13/4	999/4	20/4	HP 6328	CỤC XỔ 1C	1 967		1 967		TD	
4	VTA	15/4	936/4	22/4	BN 1883	CỤC XỔ 1C	1 200		1 200		TD	GIA HẠN L1
5	TNV HẢI DƯƠNG	15/4	1035/4	22/4	BN 1368	CỤC XỔ 1C	1 090		1 090		TD	
6	CẦU ĐUỐNG	18/4	1054/4	25/4	HP 5097	CỤC XỔ 1C	1 000		1 000		TD	
7	HÀNG HẢI VN	21/4	1077/4	28/4	BN 1826	CỤC XỔ 1C	1 130		1 130		TD	
	Tàu chuyển tải						162 800	25 231	137 569			
	<i>Tàu đã làm hàng</i>											
	<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>						71 700	25 231	46 469			
1	ĐIỆN VINH TÂN 1	17/4	258/4		VIỆT THUẬN 26-01	CÁM 6A.1	25 600	11 400	14 200	RÓT DỖ	HỘ LỚN	TTHG: 20.000 - KVCP: 5.600
2	ĐIỆN VŨNG ANG	17/4	260/4		TRƯỜNG NGUYỄN SKY	CÁM 5A.10	26 200	9 279	16 921	RÓT DỖ	HỘ LỚN	CLM: 16.000 - KVDB: 10.200
	<i>Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)</i>						126 650		126 650			
2	ĐIỆN VŨNG ANG	16/4	256/4		QUANG VINH 188	CÁM 5A.10	22 800		22 800		HỘ LỚN	TTCO: 15.800 - CLM: 7.000
3	ĐIỆN DUYÊN HẢI	17/4	259/4		VIỆT THUẬN 30-06	CÁM 6A.14	26 300		26 300		HỘ LỚN	TTCO: 10.300 - CLM: 16.000
4	ĐIỆN DUYÊN HẢI	20/4	264/4		VIỆT THUẬN 30-05	CÁM 5B.14	26 300		26 300		HỘ LỚN	TTHG: 16.300 - KDTCP: 10.000
5	ĐIỆN VINH TÂN 2	20/4	263/4		HẢI NAM 79	CÁM 6A.10	27 700		27 700		HỘ LỚN	CLM: 19.000 - KVCP: 8.700
6	ĐIỆN VINH TÂN 1	21/4	266-B/4		GOLDEN STAR	CÁM 6A.1	23 550		23 550		HỘ LỚN	TTHG: 19.000 - KVCP: 4.550
II	KHO G9-HÓA CHẤT						38 277	6 311	31 966			
	<i>Tàu đã làm hàng</i>						4 100	3 988	112			

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 21 THÁNG 4 NĂM 2026

STT	Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
1	V TRACO	15/4	930/04	22/4	BN 0988	CỤC 1A	1 000	946	54	21/4	TD	NGUỒN ĐN-CS
2	ĐTTM&DV	21/4	1072/4	28/4	HD 2225	CÁM 8A	1 000	971	29	21/4	TD	NGUỒN ĐN-CS
3	MV POSPTANAMAX 1	18/4	1 916		CỬA ÔNG 14	TNK (ỨC)	2 100	2 072	28	21/4		
Tàu dự kiến rút trong ngày							7 341	2 323	5 018			
1	XDCN MỎ	15/4	1027/4	22/4	HD 1818	CÁM 8A	1 981	959	1 022	RỚT ĐỔ	TD	NGUỒN ĐN-CS
2	CẦU ĐUÔNG	21/4	1074/4	28/4	BN 2518	CỤC 1B	1 480		1 480		TD	NGUỒN TN
3	MV POSPTANAMAX 1	16/4	1 928		CÁM PHẢ 21	TNK (ỨC)	3 880	1 364	2 516	BỐC ĐỔ		
Tàu đã làm lệnh							26 836		26 836			
1	ĐẠM NINH BÌNH	21/4	271/4	30/4	NB 8611	CÁM 4A.1	3 100		3 100		HỘ LỚN	
2	ĐT TM &DV	15/4	941/04	22/4	PHÚC THỊNH 18	CÁM 8A	940		940		PTCB	NGUỒN ĐN-CS
3	ĐT TM &DV	15/4	941/04	22/4	PHÚC THỊNH 18	CỤC 1B	1 000		1 000		PTCB	NGUỒN TN
4	VTT	16/4	962/4	23/4	NGÂN SƠN 39	CỤC 1B	2 050		2 050		TD	NGUỒN ĐN-CS
5	DVVT QN	15/4	1030/4	22/4	BN 1718	CỤC 1C	1 100		1 100		TD	NGUỒN TTCO
6	ĐTTM&DV	15/4	931/04	22/4	BN 2388	CỤC 1A	1 350		1 350		TD	NGUỒN ĐN-CS
7	ĐT TM &DV	15/4	943/04	22/4	BN 1997	CỤC 1B	1 050		1 050		TD	NGUỒN ĐN-CS
8	XNK THAN	15/4	944/04	22/4	BN 1135	CỤC 1B	910		910		TD	NGUỒN ĐN-CS
9	VT QUẢNG NINH	15/4	945/04	22/4	BN 0718	CỤC 1B	1 100		1 100		TD	NGUỒN ĐN-CS
10	ĐT TM &DV	15/4	946/04	22/4	BN 1386	CỤC 1B	1 166		1 166		TD	NGUỒN ĐN-CS
11	ĐT TM &DV	19/4	1060/4	26/4	BN 2335	CỤC 1A	1 300		1 300		TD	NGUỒN ĐN-CS
12	THAN MIỀN NAM	21/4	1073/4	28/4	THANH TÙNG 01	CỤC 1B	1 200		1 200		TD	NGUỒN ĐN-CS
13	COALIMEX	21/4	1078/4	28/4	BN 2519	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-CS
14	ĐTTM&DV	21/4	1079/4	28/4	BN 1388	CÁM 4A.1	1 950		1 950		TD	NGUỒN CS
15	MV GOLDEN FUTURE	19/4	1 930		CỬA ÔNG 19	TNK (ỨC)	2 100		2 100			
16	MV GOLDEN FUTURE	19/4	1 939		SƠN HẢI 07	TNK (ỨC)	3 420		3 420			
17	MV GOLDEN FUTURE	20/4	1 966		CỬA ÔNG 16	TNK (ỨC)	2 100		2 100			
III	KHO BẢO NGUYỄN						6 594	1 787	4 807			
Tàu đã làm hàng							1 790	1 787	3			
1	ĐIỆN PHẢ LẠI	20/4	265/4	30/4	QN 5634	CÁM 5A.10	1 790	1 787	3	21/4	HỘ LỚN	
Tàu dự kiến rút trong ngày							1 620		1 620			
1	ĐIỆN PHẢ LẠI	21/4	268/4	30/4	QN 4080	CÁM 5A.10	1 620		1 620		HỘ LỚN	
Tàu đã làm lệnh							3 184		3 184			
1	ĐIỆN PHẢ LẠI	21/4	272/4	30/4	HD 5866	CÁM 5A.10	3 184		3 184		HỘ LỚN	

